

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HS-PT

Ngày: 06-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tỉnh

*Các Thẩm phán:* Ông Tôn Văn Thông

Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2022/TLPT-HS ngày 24/02/2022 đối với bị cáo N.V.K, T.T.H do có Kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 11-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

*Bị cáo có Kháng cáo:*

**1. N.V.K**, sinh ngày 10/03/2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: thiên chúa; con ông N.V.T và bà T.T.M.D; vợ: N.T.T.Q; có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

**2. T.T.H**, sinh năm: 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông T.V.H và bà P.T.L.T; vợ: L.T.H.Â, sinh năm: 2000 đã ly thân, hiện đang sống tại tỉnh Tây Ninh; con: T.B.N, sinh ngày 06/12/2018; tiền sự: có 01 tiền sự: ngày 14/5/2020, Công an huyện Giồng Trôm ban hành quyết định số 89/QĐ-XPHC xử phạt T.T.H số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, H đã đóng phạt xong ngày 15/5/2020; tiền án: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo N.V.K:* Luật gia L.C.T – Hội viên Hội luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre, có mặt;

*Người bào chữa cho bị cáo T.T.H:* Luật sư Đ.T.B.M - Văn phòng luật sư Đình Mười thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang, có mặt;

*Bị hại:* N.T.Tr, sinh năm 1973, nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

*(Ngoài ra vụ án còn có bị cáo N.N.T.T nhưng không có Kháng cáo và không bị Kháng cáo, Kháng nghị)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11 năm 2019, N.N.T.T vay của N.V.K số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng, đến tháng 3 năm 2020 T vay tiếp của K 7.000.000 đồng với lãi suất 30%/tháng. T đã đóng lãi cho K đến giữa tháng 5 năm 2020 là 23.900.000 đồng thì không còn khả năng đóng lãi nên T đã bàn bạc với K tìm người giả làm chủ nợ của T đến nhà gặp mẹ T là bà N.T.Tr để đòi nợ số tiền 50.000.000 đồng, T và K thống nhất sau khi lấy được tiền sẽ trả nợ cho K 17.000.000 đồng. K đồng ý nên liên lạc với bạn là T.T.H nhờ H giả làm chủ nợ, sau khi lấy tiền sẽ cho H 5.000.000 đồng tiền công. H đồng ý nên vài ngày sau đã đến nhà gặp bà Tr, H nói với bà Tr là T cần tiền làm ăn nên có mượn H số tiền 50.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả và yêu cầu bà Tr trả nợ, nếu bà Tr không trả thì gặp T sẽ đánh, lúc này T có nhà xác nhận với bà Tr là T có nợ H số tiền 50.000.000 đồng, nếu không trả sẽ bị chủ nợ đánh. Bà Tr tin tưởng lời của H và T nên đồng ý trả cho H 50.000.000 đồng, do chưa có tiền nên bà Tr hứa sẽ trả nhiều lần. Khoảng 01 tuần sau, bà Tr gọi điện kêu H đến nhà trả cho H số tiền 10.000.000 đồng, việc giao tiền không có lập văn bản. Sau đó, vì muốn bà Tr nhanh chóng đưa tiền nên T đã chủ động liên lạc với H để đưa điện thoại di động Iphone của T cho H giữ và nói với bà Tr rằng T đã bị H lấy điện thoại di động. Ngày 29/6/2020, tại Công an xã P, bà Tr đã trả cho H số tiền 20.000.000 đồng, việc giao tiền có viết “Tờ thỏa thuận” nội dung H nhận 30.000.000 đồng (bao gồm 10.000.000 đồng đã nhận trước), bà Tr đồng ý sẽ trả tiếp 10.000.000 đồng vào ngày 29/7/2020 và ngày 29/8/2020 sẽ trả 10.000.000 đồng còn lại. H phải trả lại điện thoại cho T. Sau khi nhận 20.000.000 đồng, H đưa cho K 10.000.000 đồng, H giữ 10.000.000 đồng. Đến ngày 01/8/2020, bà Tr tiếp tục giao cho H số tiền 10.000.000 đồng, H nhận tiền và có ký tên vào mặt sau của “Tờ thỏa thuận”, H đưa cho K 5.000.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng còn lại do H giữ, sau đó T nhìn thấy K và H nên hỏi K vì sao nhận được tiền không đưa lại cho T nên K đưa cho T 5.000.000 đồng. Khoảng 01 tháng sau, bà Tr kêu H đến nhận số tiền 5.000.000 đồng, việc nhận tiền không có lập văn bản, H đưa cho K 3.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng H giữ. Đầu tháng 11 năm 2020, K đăng bài trên mạng xã hội Facebook cho rằng T nợ tiền K nên bà Tr hỏi T và biết mình bị lừa đảo, bà Tr điện thoại cho H đến lấy số tiền 5.000.000 đồng còn lại nhằm mục đích yêu cầu H trả lại 45.000.000 đồng đã nhận. H biết việc lừa đảo đã bị phát hiện nên không

đến nhận số tiền. Tổng số tiền H đã nhận của bà Tr 04 lần là 45.000.000 đồng, H giữ 27.000.000 đồng, đưa cho K 18.000.000 đồng, K giữ 13.000.000 đồng, đưa cho T 5.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền H đã tiêu xài cá nhân hết; K trả nợ cho anh N.N.T – Sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; T tiêu xài cá nhân hết số tiền chiếm đoạt. Đến ngày 18/11/2020, bà Tr đến Công an xã P tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T, K, H và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của K.

Tại Kết luận giám định số 309/2021/GĐTL ngày 06/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chữ ký, chữ viết tên "T.T.H" tại mặt trước dưới mục "Phú Sơn.29.6.2020"; tại mặt sau dưới mục "Ngày 1-8-2020 Tôi có nhận 10 triệu" trên "Tờ thỏa thuận", đề ngày 29.6.2020 (ký hiệu A) nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết tên "T.T.H" mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) nêu tại mục II.2 do cùng một người ký và viết ra.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 11-01-2022 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 88/2022/TB-TA ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo, N.V.K và T.T.H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự (cả hai bị cáo). Xử phạt bị cáo N.V.K 01 (một) năm tù; xử phạt bị cáo T.T.H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N.N.T.T trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền Kháng cáo.

Ngày 21/01/2022, bị cáo N.V.K Kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 24/01/2022, bị cáo T.T.H Kháng cáo yêu cầu xác định lại nguồn gốc số tiền của bà Tr đã đưa cho bị cáo; xác định lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt; xác định thời điểm bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại và xem xét vai trò của bị cáo là người được K và T thuê đi lấy tiền, bị cáo không biết đây là hành vi lừa đảo của K và T để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo không thay đổi yêu cầu Kháng cáo và khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn Kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về thủ tục tố tụng: Tại Biên bản nghị án có các nội dung vi phạm tố tụng (phần tuyên bố thiếu tên bị cáo H, áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự trong khi không xử phạt dưới khung hình phạt, sai tên bị cáo T (tuy nhiên có

đính chính), không ghi rõ giờ kết thúc nghị án, sai tên hội thẩm nhân dân); cần làm rõ số tiền các bị cáo chiếm đoạt, có khấu trừ số tiền nợ 17.000.000 đồng hay không, các bị cáo có phạm tội nhiều lần hay không. Do cấp sơ thẩm chưa làm rõ hành vi của các bị cáo và có sai sót khi nghị án, cấp phúc thẩm không thể bổ sung nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy một phần Bản sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 11-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đối với bị cáo N.V.K và T.T.H để điều tra xét xử lại theo trình tự thủ tục chung. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét Kháng cáo của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo K cho rằng, cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng về nghị án, trong đó có sai tên hội thẩm nhân dân. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị xem xét bị cáo K có con còn nhỏ.

Người bào chữa cho bị cáo H cho rằng, Bản án sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 11-01-2022 có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo K yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn Kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Trong năm 2019 và năm 2020, N.N.T.T vay của N.V.K tổng cộng 17.000.000 đồng. T đã đóng lãi cho K đến giữa tháng 5 năm 2020 thì không còn khả năng đóng lãi nên T đã bàn bạc với K tìm người giả làm chủ nợ của T đến nhà gặp mẹ T là bà N.T.T để đòi nợ số tiền 50.000.000 đồng, T và K thống nhất sau khi lấy được tiền sẽ trả nợ cho K 17.000.000 đồng. K đồng ý nên liên lạc với bạn là T.T.H nhờ H giả làm chủ nợ, sau khi lấy tiền sẽ cho H 5.000.000 đồng tiền công. H đồng ý, sau đó H đến nhà gặp bà Tr, H nói với bà Tr là T có mượn H số tiền 50.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả và yêu cầu bà Tr trả nợ, nếu bà Tr không trả thì gặp T sẽ đánh, lúc này T có nhà xác nhận với bà Tr là T có nợ H số tiền 50.000.000 đồng, nếu không trả sẽ bị chủ nợ đánh. Bà Tr tin tưởng lời của H và T nên đồng ý trả cho H 50.000.000 đồng. Tổng số tiền H đã nhận của bà Tr 04 lần là 45.000.000 đồng, H giữ 27.000.000 đồng, đưa cho K 18.000.000 đồng, K giữ

13.000.000 đồng, đưa cho T 5.000.000 đồng. Đến ngày 18/11/2020, bà Tr đến Công an xã P tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T, K, H và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của K.

Các bị cáo thực hiện hành vi gian dối đối với bị hại cho rằng người thân của bị hại nợ tiền của T.T.H nhưng thực tế không có nợ tiền của H để tạo lòng tin cho bị hại tin giả là thật nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo N.V.K và T.T.H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Đối với tình tiết định khung hình phạt, qua điều tra thể hiện các bị cáo đều thống nhất số tiền sẽ chiếm đoạt là 50.000.000 đồng và bị hại tin T nợ là 50.000.000 đồng nên có lập “Tờ thỏa thuận” vào ngày 29/6/2020, với nội dung: Lý do T (N) mượn của H 50.000.000 đồng, ghi số tiền đã nhận, số tiền sẽ giao tiếp vào tờ thỏa thuận, bị hại đã giao cho H (là người thực hành) nhận tiền nhiều lần tổng cộng 45.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng bị hại có điện thoại để giao tiếp nhưng H biết bị phát hiện nên không đến nhận, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Như vậy, hành vi của các bị cáo và đồng phạm có dấu hiệu phạm vào tình tiết định khung nặng hơn mà điều luật quy định so với cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử.

Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án, nhưng giữa Biên bản nghị án và Bản án có nhiều lỗi không phù hợp nhau (như Kiểm sát viên nêu ra ở phần trên) là vi phạm tố tụng, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng; điều tra, xét xử chưa đầy đủ cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với N.V.K và T.T.H để điều tra, xét xử lại theo trình tự thủ tục chung.

Trong vụ án còn có đồng phạm Khác là N.N.T.T do bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần kiến nghị theo thủ tục giám đốc thẩm một phần bản án sơ thẩm để xem xét lại về thủ tục tố tụng và hành vi đối với N.N.T.T.

[3] Do hủy Bản án sơ thẩm nên không xem xét Kháng cáo của các bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên và quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do bản án bị hủy.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy một phần Bản án sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 11-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đối với bị cáo N.V.K và T.T.H, để điều tra, xét xử lại.

Giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để điều tra, xét xử lại theo trình tự thủ tục chung.

2. Kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm một phần Bản án sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 11-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm và hành vi đối với N.N.T.T.

3. Về án phí. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo N.V.K và T.T.H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND H. Chợ Lách (4b);
- VKSND H. Chợ Lách (1b);
- Công an H. Chợ Lách (1b);
- CC THADS H. Chợ Lách (1b);
- UBND xã P; xã L (1b);
- Bị cáo tại ngoại (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tỉnh**